Về cung điện Nara

TS. NGUYỄN THẾ HÙNG*

Di tích lịch sử Nara cổ (Nhật Bản) - một Di sản Văn hoá Thế giới không còn xa lạ với các nhà khảo cổ học, nhà sử học, nhà bảo tàng học Việt Nam. Năm 1998, tại kỳ họp thứ 22 của Uỷ ban Di sản Thế giới tại Kyoto, Di tích lịch sử Nara cổ (Historic Monuments of Ancient Nara - sau đây gọi là Nara) đã được ghi vào danh mục Di sản Văn hóa và Thiên nhiên Thế giới. Phạm vi của di sản được xác định:

Vùng di tích lịch sử (Historic Site) rộng 616,9ha

Vùng đệm (Buffer Zone) rộng 1962,5ha

Vùng hài hoà với môi trường lịch sử (Historic Environment Hamonization Area) rộng 539 ha.

Di tích lịch sử Nara bao gồm:

- Những công trình kiến trúc được chỉ định là Bảo vật Quốc gia và nằm trong một vùng được chỉ định là di tích lịch sử (Historic Sites): Chùa Todai-ji, chùa Kofuku-ji, đền Kasuga-Taisha, chùa Gango-ji, chùa Yakushi-ji, và chùa Toshodai-ji.

- Những tài sản được chỉ định là những di tích lịch sử đặc biệt (Special Historic Sites) và địa điểm thiên nhiên đặc biệt (Special Natural Monuments): Di tích cung điện Nara và rừng nguyên sinh Kasugayama.

Những công trình trên được xem xét trong mối quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau, chứ không phải là những thực thể tồn tại độc lập, với tên gọi Di tích lịch sử của Nara cổ và được xem xét như là đại diện cho thành phố lịch sử Nara. Những di tích này được công nhận là di sản thế giới theo 4 tiêu chuẩn trong số 6 tiêu chuẩn của Công ước Di sản Văn hoá và Thiên nhiên Thế giới. Đó là các tiêu chuẩn: ii; iii; iv; vi.

+ Tiêu chuẩn ii: Những di tích ở Nara đã thể hiện sự giao lưu văn hoá với Trung Hoa và Triều Tiên, thúc đẩy sự phát triển của văn hoá Nhật Bản.

+ Tiêu chuẩn iii: Những di tích ở Nara đã thể hiện tính độc đáo và là bằng chứng về sự phát triển văn hoá ở một kinh đô cổ của Nhật Bản.

+ Tiêu chuẩn iv: Những di tích ở Nara là một ví dụ nổi bật của kiến trúc và quy hoạch của những kinh đô sớm ở châu Á.

+ Tiêu chuẩn vi: Những di tích ở Nara thể hiện sự kết hợp chặt chẽ với tín ngưỡng Nhật Bản, biểu hiện ở Thần đạo và Phật giáo, hiện nay vẫn sống động như là một địa danh tôn giáo trong đời sống của mỗi người dân.

Nara đã có một quá trình điều tra và bảo tồn lâu dài. Qua đây, chúng tôi xin giới thiệu về những kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học Nhật Bản về cung điện Nara (cũng được gọi là cung điện Heijo, Bình Thành cung) do Viện Nghiên cứu Quốc gia về Tài sản Văn hoá ở Nara công bố.

1. Đôi nét về lịch sử Nara:

Nara nằm về phía Bắc của một vùng có tên Vùng trũng Nara (Nara Basin). Nara trở thành thủ đô của Nhật Bản vào năm 710 sau công nguyên cách đây gần 1300 năm. Trong thời trị vì của nữ hoàng Gemmei (707 - 715), là một trung tâm đô thị với dân số xấp xỉ 100.000 người, Nara đồng thời là trung tâm văn hoá, kinh tế và chính trị của Nhật Bản cho đến năm 784, khi hoàng đế Kammu (781 - 806) chuyển thủ đô tới Nagaoka, nay nằm ở phía Tây Nam

* CỤC DI SẢN VĂN HOÁ

Kyoto. Thời kỳ từ năm 710 đến 784 được gọi là thời kỳ Nara. Vào năm 740, vua Shomu (724 - 749) chuyển thủ đô tới Kuni (phía Nam Kyoto) và tiếp theo là Shigaraki (phía Đông Nam Shiga) và Naniwa (trung tâm Osaka). Sau đó, hoàng đế Shomu quay trở về Nara vào năm 745. Do đó, thời kỳ Nara được chia thành 2 giai đoạn, trước và sau năm 745. Chính trong thời kỳ Nara, chế độ cai trị và hệ thống luật pháp theo kiểu Trung Hoa đã hoàn toàn được chấp nhận ở Nhật Bản. Thủ đô Nara được quy hoạch để làm nơi hoạt động của các cơ quan chính của chính quyền trung ương. Kinh tế và văn hoá ở Nara phát triển, một khối lượng lớn hàng hoá đổ về đây từ mọi miền trên đất nước Nhật Bản.

2. Thủ đô Nara:

Chính quyền Hoàng gia ra lệnh xây dựng thủ đô Nara vào tháng 2 năm 708 (theo âm lịch). Trước khi xây dựng, những người đã sống tại nơi dự tính là thủ đô bị buộc phải dời đi nơi khác. Để chuẩn bị nền móng cho cung điện rộng 1,2km², mặt đất được san bằng, các chỗ trũng được lấp đầy và nhiều quả đồi bị san ủi.

Năm 710, Nara trở thành thủ đô mới của Nhật Bản. Tuy nhiên, tư liệu lịch sử cho thấy, tường bao quanh cung điện Nara vẫn chưa được hoàn thành. Dường như việc xây dựng thủ đô vẫn tiếp diễn sau năm 710 và việc sửa chữa các công trình của cung điện Nara đã diễn ra vài lần trong suốt thế kỷ 8. Để thực hiện việc tái thiết và xây dựng này, rất nhiều nông dân từ mọi miền đất nước đã được tuyển mộ. Nhưng, do công việc quá nặng nhọc nên, sử liệu cho biết có nhiều người đã bỏ trốn.

Vào thời điểm cực thịnh, thủ đô Nara đo từ Bắc xuống Nam dài 4,8km, từ Đông sang Tây dài 4,3km và có phần phình ra ở phía Đông có kích thước 2,1km x 1,6km. Ở phần Tây Bắc cũng có chỗ nhô ra. Tổng diện tích của thủ đô là 25km². Cổng chính của thủ đô có tên là Rajo (cổng trung tâm ở phía Nam), từ cổng này, đại lộ Suzaku (Chu Tước) rộng 74m chạy về phía Bắc tới cổng Suzaku của cung điện Nara. Phần thành phố nằm về bên Đông của đại lộ Suzaku được gọi là thủ đô bên trái và phần bên Tây được gọi là thủ đô bên phải. Các phố và đại lộ chính được bố trí chạy dọc và bắt chéo nhau. Các phố chính chạy từ Đông sang Tây là "Phố Hàng" (Row Streets) và các đại lộ chính chạy theo hướng Bắc Nam gọi là "Đại lộ Cột" (Column Avenues).

Các phần của thành phố nằm giữa các phố hàng gọi là "Hàng" và phần nằm giữa 2 đại lộ chính gọi là "Cột". Một hình vuông được bao quanh bởi 2 phố hàng và 2 đại lộ là một phường (bo), trong đó lại được chia thành 16 khối (Tsubo hoặc cho) bởi 3 tiểu lộ Bắc - Nam và 3 phố nhỏ Đông - Tây. Mỗi hàng, cột, phường và khối (mỗi khối có diện tích khoảng 1,76 ha) được đánh số và địa chỉ là sự kết hợp của quy định phân chia này. Thủ đô có các chùa thờ Phật, đều do các nhà quý tộc xây, ngoài ra còn 2 chợ chính, khu nhà ở của các quan chức và dân thường. Dân số của Nara khi đó, vào khoảng 100.000 người (theo thuyết của Kishi Toshio) đến 200.000 người (thuyết của Sawada Goichi). Người ta tính ra ở thủ đô Nara có 150 quí tộc cấp cao, 7000 quan chức và nhân viên làm việc tại đó.

Sau khi thủ đô của Nhật Bản chuyển đến Nagaoka, phần bên trái của thủ đô Nara dần trở thành đất nông nghiệp. Tuy nhiên, vẫn còn bằng chứng về các phố và đại lộ của thủ đô Nara là các lối đi bộ giữa những cánh đồng ẩm ướt và hình dạng vuông vắn của những cánh đồng này. Vào năm 1852, Kitaura Sadamasa, một sĩ quan Samurai đã cẩn thận vẽ lại những dấu tích còn rõ trên mặt đất và đồ họa lại kết cấu đô thị của thủ đô cổ đó. Điều này đã đặt nền móng cho những nghiên cứu và điều tra tiếp theo về thủ đô Nara. Trong những năm gần đây, vì sự phát triển hiện tại của thành phố Nara, các nhà khảo cổ học đã có nhiều cơ hội khai quật các khu vực bên ngoài cung điện này.

3. Cung điện Nara:

Cung điện Nara nằm ở phần trung bắc của thủ đô Nara xưa. Về cơ bản tổ hợp cung điện có diện tích từ 100 đến 120 ha, với phần phình ra ở phía Đông khoảng 300m. Toàn bộ cung điện được bao quanh bằng tường đất cao tới 5 mét. Các toà nhà của chính quyền được bố trí sát nhau, gồm các sảnh Yết kiến Hoàng đế (Daigoku-den), tổ hợp các phòng họp nhà nước (Chodo-in), khu Nhà ở Hoàng gia (Dairi). Trong tổ hợp còn có các khu vườn, nơi tổ chức yến tiệc như cung điện phía Đông (To-in), Vườn Nam (Nan-En), cung điện Hồ Tây (Nishi-ike no Miya) và vườn Thông (Shorin). cung điện Nara có 12 cổng, cổng Suzaku (Chu Tước môn) ở

phía Nam là cổng chính.

3.1. Cổng Suzaku (Chu Tước Môn):

Cổng Suzaku có một số điểm riêng, thứ nhất nó giống như một toà nhà 2 tầng vì có 2 lớp mái, (mặc dù trong thực tế nó là cấu trúc một tầng). Thứ 2, mái vươn ra 4 hướng (các cổng khác có hai mái) tạo cho cổng có dáng vẻ cầu kỳ khác thường, và cả tên gọi của nó. Trong khi tất cả các cổng khác được đặt tên theo họ của gia đình gác cổng, chẳng hạn như cổng Mibu (đặt tên theo gia đình Mibu), cổng Saeki (đặt tên theo gia đình Saeki), thì cổng này (có tên thứ 2) gọi theo tên phố chính của Thủ đô là cổng Ootomo. Qua đây cũng có thể thấy vai trò quan trọng của các cổng ở phía Nam của thủ đô cũng như của cung điện.

3.2. Kết cấu bên trong của cung điện Nara:

Cung điện Nara được biểu hiện bởi hai công trình: Sảnh Yết kiến Hoàng đế (Imperial Audience Hall) và tổ hợp phòng Khánh tiết (State Halls compounds), một ở trung tâm, một ở phía Đông. Phía Bắc của cổng Suzaku là tổ hợp trung tâm gồm sảnh Yết kiến Hoàng đế và 4 toà nhà phòng Khánh tiết. Phía Đông của tổ hợp trung tâm, đồng thời là phía Bắc của cổng Mibu là tổ hợp Sảnh Yết kiến Hoàng đế và 12 toà nhà của tổ hợp phòng Khánh tiết. Kết cấu đôi này của cung điện Nara có sự khác biệt rõ rệt so với các cung điện Nhật Bản cổ đại khác. ở phía Nam của tổ hợp phía Đông là phòng họp Quốc hội, và ở phía Bắc là khu Nhà ở Hoàng đế (Imperial Domicile). Những tổ hợp chính này được bao quanh bởi 1 loạt văn phòng.

Sảnh Yết kiến Hoàng đế ở trung tâm là tên gọi của toà nhà Đệ nhất thứ Đại Cực Điện, (được dịch và in trong các tài liệu tiếng Anh là Imperial Audience Hall), là một cấu trúc bằng gỗ lớn có chiều dài 44m, rộng 19,5m và cao 21,4m. Đây là toà nhà quan trọng nhất trong tổng thể cung điện. ở trung tâm của sảnh là ngai vàng - Takamikura - nơi hoàng đế xuất hiện trong những nghi lễ quan trọng, như lễ đăng quang, đón chào năm mới và tiếp đón khách nước ngoài.

Vào năm 740, vua Shomu chuyển đến cung điện Kuni thì Sảnh Yết kiến Hoàng đế được dỡ ra và chuyển sang cung điện Kuni. Cuối thập kỷ 50, đầu thập kỷ 60 thế kỷ VIII, đôi lúc vua Shomu quay trở về Nara, thì ở đó được dựng một tổ hợp kiến trúc hoàn toàn khác, có kết cấu kiểu chôn cột, rất tráng lệ, tạo thành cung điện phía Tây (Saigu).

Năm 809, cựu hoàng Heizei quay trở lại cung điện Nara và lại xây dựng một cung điện mới tại sảnh Yết kiến Hoàng đế. Sự bố trí các lâu đài cũng tương tự như khu Nhà Hoàng đế ở cung điện Heian.

Sảnh Yết kiến Hoàng đế phía Đông (Đệ nhị thứ Đại Cực Điện) nhỏ hơn một chút so với Sảnh Yết kiến Hoàng đế ở trung tâm cung điện Kuni. Khi thủ đô của Nhật Bản quay về Nara (năm 745) thì sảnh Yết kiến dựng lại rộng 38m, dài 16m và cao 21m; đó là một kết cấu bằng gỗ, qui mô lớn khác thường. Sảnh phía Đông là kiểu nhà dựng trên chân tảng đá đặt trên nền đất, cao và mái nhà lợp ngói. Nền đất đã được gia cố trước khi chân tảng đá được đặt lên.

Tổ hợp phòng Khánh tiết

Khi hoàng đế xuất hiện ở sảnh Yết kiến Hoàng đế, các vị quan văn võ xếp hàng trong các Phòng Khánh tiết (State Halls compound). Vào những dịp đặc biệt, các lễ nghi và yến tiệc được tổ chức tại phòng này, chẳng hạn như dịp năm mới và tiếp kiến quan khách ngoại giao. Phòng Khánh tiết, theo nghĩa đen là "Sảnh Buổi sáng" vì các vị quan văn võ làm việc tại đây từ lúc bình minh cho đến trưa.

Ở cung điện Nara, có hai tổ hợp phòng khánh tiết. Tổ hợp phòng Khánh tiết trung tâm hay còn gọi là phòng Khánh tiết thứ nhất, bao gồm 4 toà nhà có cột đặt trên chân tảng đá (Đệ nhất thứ Triều Đường Viện). Tổ hợp này có chức năng chủ yếu là nơi đón tiếp khách nước ngoài và tổ chức yến tiệc. Tổ hợp phía Đông hay tổ hợp phòng Khánh tiết thứ hai, gồm có 12 phòng (Đệ nhị thứ Triều Đường Viện), được thiết kế theo mô hình phòng Khánh tiết ở cung điện Fujiwara và chủ yếu sử dụng cho các hoạt động hành chính. Ban đầu 12 phòng theo dạng chôn cột, sau đó được dựng lại theo kiểu cột đặt trên chân tảng đá.

Khu Nhà ở Hoàng đế (Nội Lý - Imperial Domicile) là nơi sinh hoạt riêng của hoàng đế, đôi khi cũng là nơi vua giải quyết các công việc hành chính và mời một số nhà quí tộc đến dự tiệc. Khu Nhà ở Hoàng đế nằm ở phía Bắc của Phòng Khánh tiết phía Đông. Toàn bộ tổ hợp này rộng gần 180m². Ban đầu, khu nhà này được bao quanh bởi hàng rào gỗ, nhưng sau

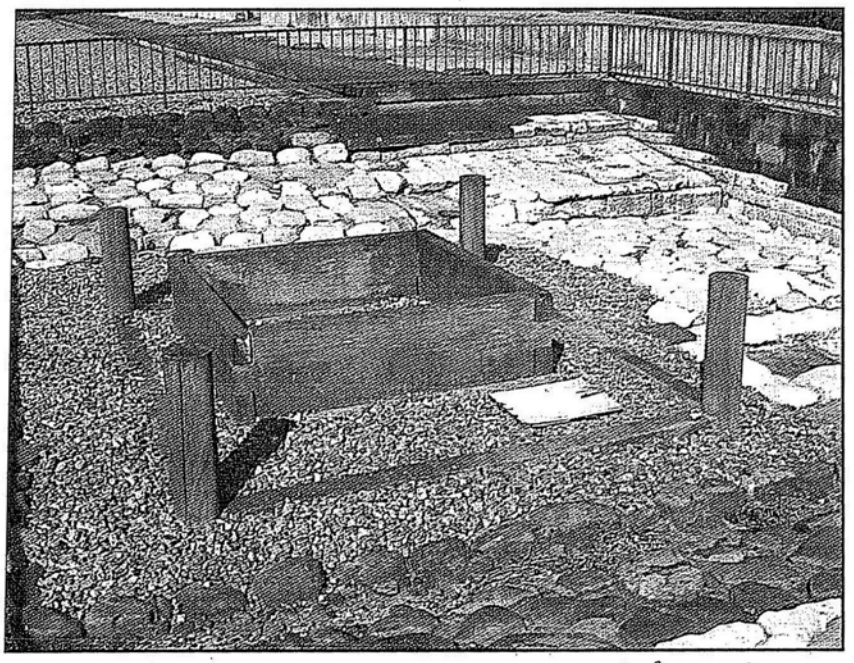

Giếng cổ trong cung điện Nara đã được phục chế - Ảnh: Thế Hùng

năm 745 được thay thế bằng các hành lang lợp ngói. Tất cả các kết cấu kiến trúc trong khu Nhà ở Hoàng đế có dạng chôn cột và lợp bằng vỏ cây bách, chúng sẽ được sửa chữa lại bất cứ lúc nào, khi một vị vua mới lên ngôi. Bên trong tổ hợp còn có một phòng riêng dành cho các cung phi phục vụ hoàng đế. Tại đây, người ta đã khai quật được một cái giếng (đường kính 1,7m) có mái che làm bằng gỗ tuyết tùng. Tổ hợp này được bảo vệ suốt ngày đêm bởi các binh lính do Bộ Binh cử đến.

Tổ hợp phòng họp Nhà nước (State Assembly Hall compound) nằm ở phía Nam của sảnh Yết kiến Hoàng đế phía Đông, gồm có 2 phòng họp ở phía Đông và phía Tây, các phòng đều được bố trí chạy dọc theo hướng Bắc Nam. Các quan chức đến làm việc ở đây, sẽ tập trung trước lúc bình minh trong trang phục theo nghi thức, để đợi đến khi cửa phòng họp mở.

Theo lịch sử, vào cuối thế kỷ 8 phòng họp phía Đông được chuyển sang chùa Toshodai-ji làm phòng thuyết giảng. Đây là kết cấu duy nhất còn tồn tại của cung điện Nara. Các cuộc điều tra khảo cổ thận trọng tại phòng Thuyết giảng chùa Toshodai-ji cho thấy: 2 đầu Nam và Bắc của phòng họp phía Đông đều có "đầu hồi" và được thông gió rất tốt, do có ít tường ngăn. Chùa Toshodai-ji cũng là một bộ phận của di tích lịch sử Nara cổ.

Sảnh Lễ tạ ơn lớn:

ở Nhật Bản, hàng năm, hoàng đế tiến hành lễ tạ ơn các vị thần mùa màng (niiname sai) vào tháng 11, lễ vật là các sản phẩm của vụ mùa mới. Lễ tạ ơn mà một vị hoàng đế tiến hành sau lễ đăng quang được gọi là Lễ tạ ơn lớn (daigo sai) và thực hiện ở cung điện được xây dựng riêng cho lễ này. Lễ gần đây nhất được tổ chức vào năm 1990, sau khi Nhật hoàng Akihito đăng quang. Tổ hợp cung điện này được gọi là sảnh Lễ tạ ơn lớn (daijo kyu), nơi Nhật hoàng tiến hành các lễ nghi, ăn và ngủ bên cạnh các vị thần.

Lịch sử cho biết bảy vị hoàng đế đã đăng quang trong thời kỳ Nara.

Vườn cung điện phía Đông:

Các lễ hội và yến tiệc mừng năm mới, các lễ hội theo mùa và lễ đông chí là những sự kiện quan trọng được tổ chức tại cung điện Nara, trong đó có một số sự kiện diễn ra tại các vườn nằm ở những điểm khác nhau của cung điện. Những khu vườn có tên trong lịch sử, gồm: Vườn cung điện phía Đông (Đông Viện Đình Viên - Garden in the Eastern Palace), vườn Nam (Nan en), cung điện Hồ Tây (Nishi Ike no Miya) và vườn Shorin (Shorin En).

Gần đây ở góc phía Đông Nam của phần nhô ra của cung điện Nara đã phát hiện dấu vết của một khu vườn. Các nhà khảo cổ học và sử học cho rằng, khu vườn này là một phần của Cung điện phía Đông, nơi nữ hoàng Shotoku (764-770) thường tổ chức các lễ nghi và yến tiệc. Khu vườn có một hồ nhỏ, đáy hồ rải sỏi và xung quanh có các cung điện. Một số tư liệu lịch sử cho rằng "sảnh Ngọc Lam" (ngói lợp bằng "ngọc màu xanh da trời") được dựng năm 767 ở cung điện phía Đông, có lẽ sảnh nằm ở ven khu vườn, vì các nhà khảo cổ đã tìm thấy lớp ngói men xanh gần nơi này.

Cung điện Hồ Tây

Người ta đã đưa ra giả thiết rằng, cung điện

Hồ Tây ghi trong lịch sử nằm ở ven hồ Saki-ike ngày nay (Tây Bắc của cung điện Nara), và đã tồn tại từ thế kỷ thứ 8. Khai quật khảo cổ cho thấy, đáy hồ rải sỏi và như một gợi ý rằng, hồ là một phần của khu vườn. Về phía Nam của hồ là một toà nhà có nền đá, với chiều dài không dưới 60m. Khai quật ở đây đã phát hiện một ngôi chùa tráng men thu nhỏ, tương tự một mẫu vật được giữ ở chùa Todai-ji.

Vườn Shorin nằm ở phía Bắc của cung điện Nara nơi Nhật hoàng Shomu thường mời các vị quý tộc đến dự tiệc và cùng xem các cuộc thi đấu thể thao (như bắn cung trên lưng ngựa). Hoàng đế và tuỳ tùng có thể còn đi săn trong vườn. Theo kết quả khai quật khảo cổ, móng của các tường đất bao quanh khu vườn vẫn còn nhìn thấy rõ với kích thước lên tới hơn 1km theo chiều Bắc - Nam và khoảng 500m Đông - Tây.

Tru sở bộ máy chính quyền Trung ương:

Đã có nhiều văn phòng của bộ máy chính quyền trung ương nằm trong cung điện Nara, bao gồm hai hội đồng là Đại hội đồng tôn giáo (Jingkian) và Đại hội đồng hành chính (Dajokan). Đại hội đồng tôn giáo chịu trách nhiệm về tất cả lễ nghi trong cung điện Nara và quản lý tất cả đền thờ Shinto (Thần đạo) linh thiêng ở Nhật Bản. Đại hội đồng hành chính chịu trách nhiệm về 8 bộ như Bộ Nhân lực, Bộ Ngân khố Hoàng gia... Mỗi bộ bao gồm nhiều cục, phòng và ban khác nhau. Những cơ quan này nằm xung quanh sảnh Yết kiến, phòng Khánh tiết và khu Nhà ở Hoàng đế, với khoảng 7.000 nhân viên làm việc thường xuyên. Qua khảo cổ học, vị trí của một số cơ quan đã được xác định, chẳng hạn như Bộ Các vấn đề về Nhân sự (Bộ Lại), Bộ Các vấn đề về Quân sự (Bộ Binh), Văn phòng Lương thực Hoàng gia (Đại Thiện chức), Ban làm rượu Sakê và Cục ổn định Hoàng gia... (Việc tìm thấy những bảng gỗ và đồ gốm có khắc chữ, kết cấu các toà nhà và đồ dùng, so sánh với địa điểm ở cung điện Heian, tất cả đều góp phần nhận dạng những bộ này). Tuy nhiên, nhiều toà nhà đã được khai quật nhưng vẫn chưa thể xác định được danh tính, công năng.

Đại Hội đồng hành chính được xác định nằm ở phía Đông khu Nhà ở Hoàng đế. Tại nơi này có gạch khắc chữ Kuji (công việc chính thức) và Shiji (công việc không chính thức) đã được tìm thấy. Những viên gạch này được cho là những bản hen-ni, chỉ ra vị trí đứng của các quan chức trong các lễ nghi (Dựa trên những khám phá đó, một số nhà khảo cổ học giả định rằng, địa điểm này là Đại hội đồng hành chính).

3.3. Những vật liệu và dạng thức kiến trúc sử dụng trong xây dựng thủ đô và cung điện Nara:

Vật liệu:

Chỉ tính riêng cung điện Nara, nơi có hàng trăm ngôi nhà, người ta ước tính đã sử dụng xấp xỉ 300.000m³ gỗ xẻ. Lượng gỗ này đủ để xây 24.000 ngôi nhà tạm, ở mức trung bình, với diện tích mỗi ngôi nhà 60m². Sử sách cho biết rằng, gỗ xây dựng được xẻ trên đồi Tanakami-yama ở tỉnh Shiga, rồi vận chuyển qua sông Kizu (nay là thị trấn Kizu, phía nam tỉnh Kyoto), sau đó được vận chuyển tới công trình ở Nara, ngang qua đồi Narayama, nằm giữa Kyoto và Nara.

Một lượng đá lớn cũng đã được sử dụng làm chân tảng và để rải lên nền đất. Đá từ tro núi lửa được khai thác trên đồi Nijoo-san và được vận chuyển theo dòng sông Saho đến Nara.

Người ta ước tính, để xây các toà nhà trong cung điện Nara, cần phải sử dụng vài triệu viên ngói. Bên cạnh việc tái chế và sử dụng lại các ngói cũ của cung điện Fujiwara, nhiều lò nung ngói đã được xây trên đồi Nara-yama, phía Bắc của cung điện Nara để đáp ứng đủ nhu cầu. Đồi Nara-yama đã được chọn, vì nơi đây rất giàu đất sét và gỗ, thêm nữa việc vận chuyển ngói từ đồi Nara-yama về thủ đô lại khá thuận lợi. Ban đầu, lò nung được xây dựng trên sườn đồi với lò đốt ở bên dưới và ống khói trên đỉnh. Dần dần kiểu lò này được thay bằng lò nung xây trên đất bằng.

Dạng thức của các công trình kiến trúc:

Về cơ bản, có 2 kiểu nhà lớn được xây dựng trong thế kỷ 8: Dạng chôn cột và kiểu cột dựng trên chân tảng đá. Nói chung, mái nhà của kết cấu kiểu chôn cột được lợp bằng vỏ cây bách hoặc bằng gỗ. Mái nhà của kết cấu cột đặt trên chân tảng đá được lợp bằng ngói. Trong cung điện Nara, sảnh Yết kiến, phòng Khánh tiết, cổng cung điện và một số văn phòng là dạng cột đặt trên chân tảng đá. Kiểu này được đưa vào từ Triều Tiên, khoảng 100 năm trước khi thủ đô Nara được xây dựng. Trước đó phương pháp dựng cột trên chân tảng đá đã được thực hiện trong việc xây dựng một số ngôi chùa, và

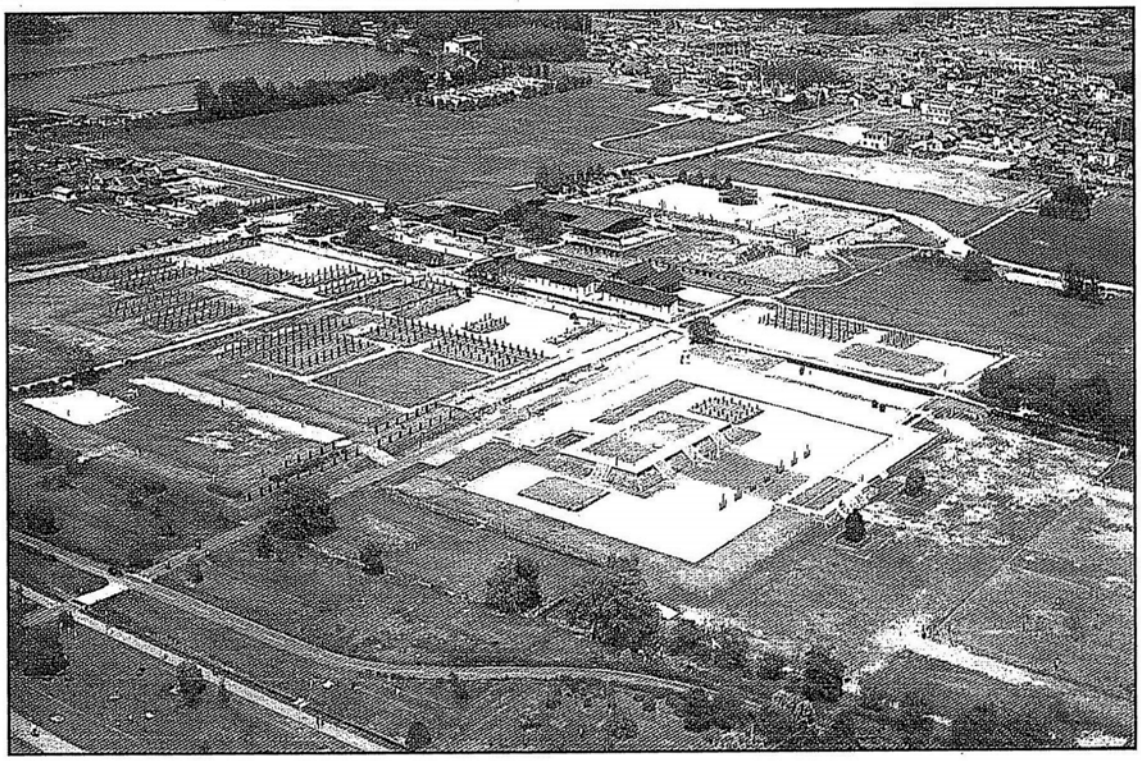

Toàn cảnh cung điện phía đông, Nara - Ảnh: Thế Hùng

lần đầu tiên được áp dụng để xây dựng cung điện Fujiwara (694 - 710)

4. Quá trình nghiên cứu bảo tồn cung điện Nara:

Một số mốc chính của hành trình nghiên cứu về cố đô Nara được ghi nhận là:

Năm 1852, bản đồ phần di tích còn sót lại của cung điện Nara được hoàn thành bởi Kitaura Sadamasa. Tiếp theo là những đóng góp to lớn của Sekino Tadashi, Kita Sadakichi và một số học giả khác cuối thời Meiji, phác thảo thủ đô thời Nara dần dần trở nên rõ nét.

Năm 1922, phần di tích sót lại gồm: Phòng Khánh tiết và sảnh Yết kiến Hoàng đế được chỉ định là di tích lịch sử Quốc gia.

Năm 1952, toàn bộ cung điện Nara được chỉ định là di tích lịch sử Quốc gia.

Năm 1959, việc khai quật di chỉ cung điện Nara được bắt đầu.

Năm 1961, dự kiến sử dụng một phần đất bên trong cung điện làm nơi thử toa xe lửa đã bị ngừng, sau khi lấy ý kiến dân chúng.

Năm 1964, phát hiện phần mở rộng phía Đông của cung điện Nara. Kế hoạch xây dựng đường vành đai số 24 được sửa cho đi vòng sang phía Đông, để tránh vướng vào phần đất của cung điện.

Năm 1977, chuẩn bị "Quy hoạch cơ bản Bảo tàng di tích Nara".

Năm 1998, hoàn thành việc phục hồi cửa Chu Tước và Nara được công nhận là Di sản Văn hoá Thế giới.

Năm 2003, bắt đầu phục hồi sảnh Yết kiến Hoàng đế (Đệ nhất thứ Đại Cực Điện). Công việc phục hồi dự kiến kéo dài trong tám năm và sẽ hoàn tất vào năm 2010. Chí phí cho Dự án phục hồi sảnh Yết kiến Hoàng đế lên tới gần 2 trăm triệu đô la Mỹ.

Đôi điều suy nghĩ:

- Sau hơn một ngàn năm vùi mình trong đất, trải qua gần một thế kỷ rưỡi nghiên cứu, với biết bao thế hệ các nhà khoa học, cố đô Nara với bao bí ẩn, dần hé lộ. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề quan trọng, như cố đô Nara trong bối cảnh châu Á thời cổ đại; đời sống hàng ngày của cố đô Nara; tiền tệ, thuế má thời Nara; lương của nhân viên văn phòng đến những vấn đề bình thường như dụng cụ xây dựng, vườn tược... đều hết sức thú vị, mà chúng tôi không có điều kiện giới thiệu ở đây.

(Xem tiếp trang 119)

qua thế kỷ 18 và đặc biệt phổ biến ở thế kỷ 19.

Cũng trong thời kỳ này, triều đình nhà Nguyễn đã tập trung sức người, sức của toàn quốc xây dựng kinh đô Huế với nhiều cung điện, lăng mộ vua. Vì vậy, Huế trở thành một tụ điểm văn hóa có giá trị cao về nghệ thuật và kiến trúc. Trong đó có nhiều cái hay, đẹp, tốt học hỏi từ Trung Hoa sau khi đã được Việt hóa, vì thế các kiến trúc cung đình Nguyễn vẫn gần gũi, ấm cúng, ít mang tính áp chế.

Về kết cấu, các kiến trúc Nguyễn vẫn có vì nóc theo hình thức chồng rường, giá chiêng nhưng phổ biến hơn là vì kèo có trụ trốn đứng trên quá giang để đội thượng lương. Ngoài ra còn kết hợp kết cấu kẻ suốt hay kẻ chuyền hoặc vì ván mê cốn mê bằng gỗ ghép, đó là những kết cấu đơn giản, không cầu kỳ, nặng nề như trước, nhưng mặt nào đó, tính nghệ thuật bị giảm bớt.

Riêng ở Huế, kết cấu chồng rường được bổ sung các "giả thủ". ở đầu các rường có các cột nhỏ (như cánh tay vươn lên đỡ hoành). Người ta cũng đã sử dụng vì vỏ cua trong kiến trúc "trùng thiềm điệp ốc" để tạo nên không gian thống nhất giữa hai ngôi nhà dựng liền nhau.

Bằng vào những cứ liệu thu thập được qua thực tế, chúng tôi chỉ xem điểm qua đôi nét về sự thăng trầm của các loại hình kiến trúc cổ, nhằm góp phần gợi mở một phần nào đó về nền kiến trúc cổ Việt Nam để chúng ta cùng nhau suy nghĩ, chiêm ngưỡng và học tập.

KTS. TRẦN ĐÌNH THÀNH

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

Về cung điện Nara

(Tiếp trang 115)

Để nghiên cứu, khai quật và bảo tồn di chỉ cung điện Nara, Chính phủ Nhật Bản đã cho thành lập Viện Nghiên cứu Quốc gia về Tài sản Văn hoá ở Nara trực thuộc Uỷ ban Quốc gia về Tài sản Văn hóa vào năm 1952 (Đến năm 1968 trực thuộc Tổng cục Văn hoá (Agency for Cultural Affairs)). Năm 1960 bộ phận trực tiếp nghiên cứu về cung điện Nara được thành lập và dần hoàn thiện. Suốt mấy chục năm qua, Viện đã trở thành nơi làm việc của hàng trăm nhà khoa học và kỹ thuật viên trong nhiều lĩnh vực, như khảo cổ, kiến trúc, bảo tàng, hoá học, nông nghiệp...Công việc khai quật khảo cổ được làm đều đặn mấy chục năm qua và năm 2004 này vẫn đang được tiếp tục. Song song với khai quật là quá trình nghiên cứu bảo quản với nhiều trang thiết bị hiện đại đã được đầu tư để Viện Nghiên cứu Quốc gia về Tài sản Văn hoá ở Nara có đủ năng lực bảo vệ các di tích, di vật.

Nara là Di sản Văn hoá Thế giới, gồm một phức hợp các di tích lịch sử, kiến trúc, khảo cổ có sự kết hợp với cảnh quan thiên nhiên. Một điều hết sức thú vị là cũng vào khoảng 1300 năm trước, cả Nara và Thăng Long (lúc đó là Đại La) đều là trung tâm chính trị, văn hoá của Nhật Bản và Việt Nam. Nhật Bản đang hướng tới kỷ niệm 1300 năm, Nara trở thành thủ đô của Nhật Bản, còn Việt Nam đang chuẩn bị kỷ niệm 1000 năm Thăng Long. Thời khắc có ý nghĩa đó, đều vào năm 2010. Những phát hiện khảo cổ mới đây ở Hà Nội đang mở ra những việc nghiên cứu mới về thành cổ Thăng Long. Nhưng cũng từ đó đang đặt ra những thách thức mà chúng ta cần tính toán kỹ lưỡng. Bên cạnh quá nhiều vấn đề về lịch sử, kiến trúc, bố cục, công năng, tên gọi của các công trình... của Thăng Long vẫn chưa xác định được thì những tác động của môi trường thiên nhiên cũng là rào cản vô cùng to lớn mà chúng ta đang phải vượt qua khi quyết định phạm vi và phương án bảo tồn. Ngay tại Nara, các nhà khoa học cũng chưa giải được bài toán xử lý chống thẩm thấu của nước và sự phát triển của rêu mốc tại một phần di chỉ khảo cổ học, chỉ rộng có mấy chục mét vuông, được lợp mái che để trưng bày, giới thiệu với khách tham quan. Tìm hiểu quá trình nghiên cứu, bảo tồn Nara cho thấy chúng ta mới đi được một quãng đường ngắn ngủi trên hành trình tìm về cội nguồn lịch sử của Thăng Long. Không chỉ là thời gian, chúng ta còn cần một chiến lược khoa học, một kế hoạch dài hạn và những bảo đảm về nguồn nhân lực cũng như tài chính cho việc tìm hiểu và phác dựng diện mạo để Thăng Long hiện lên rõ nét hơn, chính xác hơn trong tâm thức mỗi người dân đất Việt.

N.T.H